TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 03/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Hân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quốc Định và ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn G, sinh năm 1983 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G (đã chết) và bà Đặng Thị Đ; có vợ là Phạm Thị M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/10/2023 và chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2023 đến ngày 24/11/2023. Hiện đang áp dụng biện pháp Bảo lĩnh theo quyết định bảo lĩnh số 01 ngày 18/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Chị Trần Thu H2, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H3 sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Sinh Q, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: Thôn 1, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết với Đặng Văn H1 nên khoảng tháng 10/2022, chị Trần Thị T hỏi vay tiền của anh H1 nhưng anh H1 không có. Chị T nhờ anh H1 xem có ai cho vay tiền thì giới thiệu để chị T trực tiếp giao dịch vay tiền, anh H cho chị T số điện thoại của Lê Văn G. Sau đó, chị T liên hệ với Lê Văn G hỏi vay tiền thì G đồng ý nhưng với điều kiện phải có anh H1 nhận bảo lãnh khoản vay. Chị T nhờ anh H1 nhận bảo lãnh thì anh H1 đồng ý. Giữa chị T và Lê Văn G thỏa thuận thống nhất tiền lãi của khoản vay là 3000đồng/triệu/ngày nhưng anh H1 không biết việc thống nhất lãi xuất vay này giữa chị T và Lê Văn G.

+ Ngày 29/10/2022, Lê Văn G cho chị T vay số tiền 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng trong thời hạn 10 ngày với lãi xuất 3000đồng/triệu/ngày (tương đương với số tiền lãi mà chị T phải trả cho Lê Văn G là 3.000.000đồng) bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng của anh Đặng Văn H1. Cụ thể: Lê Văn G chuyển số tiền 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng từ tài khoản Ngân hàng VietinBank mang tên Lê Văn G đến tài khoản Ngân hàng BIDV của anh Đặng Văn H1 để cho chị T vay, nhận được tiền anh H1 thông báo cho chị T biết. Do không biết thao tác chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng nên chị T nhờ anh H1 chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Ngân hàng TPBank của chị Trần Thu H2 (là con dâu chị T). Ngày 03/11/2022, chị T liên lạc với G để thanh toán khoản vay, mặc dù chỉ vay tiền trong 06 ngày (*từ ngày 29/10/2022 đến ngày 03/11/2022*) nhưng G và chị T vẫn thoả thuận thống nhất tính lãi đủ 10 ngày là 3.000.000đồng. Ngày 03/11/2022, chị T nhờ anh H1 chuyển khoản số tiền 103.000.000 *(Một trăm linh ba triệu)* đồng đến tài khoản Ngân hàng VietinBank của Lê Văn G để trả tiền gốc và tiền lãi của khoản vay.

Đối chiếu mức lãi suất cho vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (cao nhất không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay), đối với khoản vay này thì G được phép thu số tiền lãi là: 100.000.000đồng x 10 ngày x (20% : 365 ngày) = 547.945 *(Năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm)* đồng. Số tiền G đã thu lợi bất chính từ khoản vay 100.000.000đồng là 2.452.055 *(Hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm)* đồng.

+ Sau khi thanh toán xong khoản vay trên, chị T tiếp tục hỏi vay G số tiền 350.000.000 *(Ba trăm năm mươi triệu)* đồng cũng với lãi xuất là 3000đồng/triệu/ngày và không thỏa thuận thời hạn vay, sẽ cắt lãi trước một tháng (khấu trừ trực tiếp vào tiền vay) là 31.500.000 *(Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn)* đồng, thời điểm vay tính từ ngày 04/11/2022. Từ ngày 03/11/2022 đến ngày 04/11/2022, Lê Văn G chuyển đến số tài khoản của anh Đặng Văn H1 tổng số tiền là 318.500.000 *(Ba trăm mười tám triệu năm trăm nghìn)* đồng (*chuyển bốn lần gồm: 100.000.000đồng; 50.000.000đồng; 123.000.000đồng và 45.500.000đồng*). Sau khi anh H1 nhận được tiền G chuyển khoản đến, chị T nhờ

anh H1 trả nợ giúp chị T số tiền 236.000.000 *(Hai trăm ba mươi sáu triệu)* đồng, số tiền còn lại là 82.500.000 *(Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn)* đồng thì nhờ anh H1 chuyển vào tài khoản của chị Trần Thu H2.

Đối với khoản vay này, chị T đã chuyển trả tiền lãi cho G như sau: Ngày 08/12/2022, chị T nhờ anh Đỗ Sinh Q chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Agribank của anh Q đến tài khoản Ngân hàng BIDV của anh H1 là 31.000.000 *(Ba mươi mốt triệu)* đồng để nhờ anh H1 chuyển khoản cho G. Anh H1 đã chuyển khoản số tiền này đến tài khoản của Lê Văn G (G thông báo với chị T đã nhận được tiền, còn thiếu 500.000đồng, chị T hẹn sẽ đóng nốt vào tháng sau). Ngày 09/01/2023, chị T nhờ chị Nguyễn Thị H3 chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Techcombank của chị H3 đến tài khoản Ngân hàng VietinBank của Lê Văn G số tiền 22.000.000 *(Hai mươi hai triệu)* đồng. Ngày 10/01/2023, chị T đến chi nhánh Ngân hàng Vietinbank huyện Lý Nhân nộp số tiền 10.000.000đồng vào tài khoản của Lê Văn G mở tại Ngân hàng Vietinbank. Ngày 11/02/2023, chị T nhờ chị H2 chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank của chị H2 đến tài khoản Ngân hàng VietinBank của Lê Văn G số tiền là 3.150.000 *(Ba triệu một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Ngày 12/02/2023, chị T nhờ chị H2 chuyển khoản tiếp từ tài khoản của chị H đến tài khoản của Gsố tiền 28.000.000 *(Hai mươi tám triệu)* đồng. Nhận được tiền, G xác nhận và thông báo với chị T còn thiếu 350.000 *(Ba trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền lãi, chị T hẹn sẽ đóng nốt vào tháng sau.

Đến tháng 3/2023, chị T khất nợ với G vì không còn khả năng trả lãi tiếp và cũng chưa trả được cho G khoản tiền vay 350.000.000đồng. Tổng số tiền lãi mà G đã nhận của chị Tình đối với khoản vay 350.000.0000đồng là 125.650.000đồng (tương đương 119,66 ngày vay). Đối chiếu mức lãi suất cho vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (cao nhất không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) thì G được phép thu số tiền lãi là: 350.000.000đ x 119,66 ngày x (20% : 365 ngày) = 22.948.493đồng. Số tiền G đã thu lợi bất chính từ khoản vay 350.000.000đồng là 102.701.507đồng.

Do không có thỏa thuận về thời hạn vay nên tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn (ngày 18/10/2023), thời hạn khoản vay được xác định là 349 ngày (tính từ ngày 04/11/2022 đến 18/10/2023). Như vậy tổng số tiền lãi phát sinh là (350.000.000đồng x 349 ngày x 3.000đồng) = 366.450.000đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất cao nhất mà chị T phải trả cho Lê Văn G theo quy định của Bộ luật dân sự là (350.000.000đồng x 349 ngày x (20% : 365 ngày) = 66.931.506đồng. Số tiền Lê Văn G nhằm thu lợi bất chính là 299.518.494đồng

Như vậy, G đã cho chị T vay số tiền tổng cộng là 450.000.000đồng với lãi suất vay 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm vượt gấp 5,475 lần mức cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lãi thực tế tổng cộng là 128.649.950đồng trong đó số tiền lãi mà G được phép

thu theo quy định của pháp luật là 23.496.438đồng, số tiền thu lợi bất chính là 105.153.512đồng.

Đối với số tiền 450.000.000đồng G dùng cho chị T vay nhằm thu lợi bất chính, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó có 100.000.000đồng chị T đã trả cho G cơ quan điều tra yêu cầu G giao nộp để xử lý nhưng G chưa giao nộp; số tiền 350.000.000đồng chị T vẫn đang quản lý cơ quan điều tra yêu cầu chị T giao nộp để xử lý nhưng chị Tchưa giao nộp.

Đối với số tiền 128. 649.950đồng (tiền lãi) G đã nhận của chị T, trong đó bao gồm số tiền 23.496.438đồng là số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật dân sự cơ quan điều tra yêu cầu G giao nộp để xử lý nhưng G chưa giao nộp; ngày 18/4/2024 G đã trả cho chị T 105.153.512đồng tiền thu lợi bất chính (thực tế Ghi trả chị T 106.000.000đồng nhiều hơn so với số tiền G đã thu lợi), chị T và G đều không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Về vật chứng thu giữ:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, số IMEI 356266761845657 thu giữ của của Lê Văn G được niêm phong trong phong bì dán kín, kỹ hiệu "Đ1" chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đối với tập tài liệu về nội dung tin nhắn Zalo liên quan đến việc G cho chị T vay tiền để hưởng lãi do chị T nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra: Lê Văn G đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS - LN ngày 11/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, truy tố Lê Văn G về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn G từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng. Truy thu số tiền 100.000.000đồng bị cáo đã sử dụng cho vay lãi nặng và 23.496.438đồng tiền lãi theo mức cao nhất quy định của Bộ luật dân sự bị cáo đã chiếm hưởng để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu số tiền 350.000.000đồng bị cáo đã sử dụng cho vay lãi nặng hiện do chị T đang quản lý để nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max của Lê Văn G. Đồng thời đề xuất hướng xử lý các vật chứng khác và án phí vụ án.

Bị cáo Lê Văn G khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với kết quả thẩm tra, tranh tụng tại phiên toà, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, ngày 29/10/2022, Lê Văn G đã cho chị Trần Thị T vay số tiền 100.000.000đồng trong thời hạn 10 ngày với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày (tương đương 109,5%/năm), gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Ngày 03/11/2022 chị T đã trả xong cả tiền gốc và tiền lãi cho Lê Văn G là 103.000.000 đồng, G thu lợi bất chính từ khoản vay này số tiền là 2.452.055đồng.

Từ ngày 03/11/2022 đến ngày 04/11/2022, Lê Văn G đã cho chị Trần Thị T vay số tiền 350.000.000 đồng không xác định thời hạn vay, tính đến ngày cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn (ngày 18/10/2023) thì thời hạn khoản vay được xác định là 349 ngày với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày (tương đương 109,5%/năm), gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Chị T đã trả lãi cho G đối với khoản vay này với tổng số tiền là 125.650.000 đồng (tương đương 119,66 ngày vay). Số tiền Lê Văn G nhằm thu lợi bất chính là 299.518.494đồng.

Như vậy, tổng số tiền Lê Văn G nhằm thu lợi bất chính từ 02 khoản tiền cho vay nêu trên là 301.970.548đồng. Tổng số tiền Lê Văn G thực tế đã thu lợi bất chính là 105.153.562đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn G đã phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Lê Văn G đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời thể hiện sự ăn năn hối cải trước pháp luật, mong muốn được sửa chữa lỗi lầm; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện trả toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho chị T, có ông ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bác ruột là Liệt sĩ, bản thân bị cáo bị bệnh đái tháo đường đa biến chứng - Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quản lý tiền tệ, gây mất an toàn trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu tới trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo là người lao động luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và quy định của địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đây cũng là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, có nhân thân và hoàn cảnh như bị cáo, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Tạo cơ hội cho bị cáo tự rèn luyện và để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo là lao động tự do, tiền thu nhập hàng tháng không ổn định nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biệp pháp tư pháp khác:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với với số tiền 450.000.000đồng bị cáo đã sử dụng cho chị T vay, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo. Do số tiền này bị cáo sử dụng làm phương tiện để phạm tội. Chị T đã trả bị cáo 100.000.000đồng, bị cáo chưa giao nộp lại để xử lý nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước; số tiền 350.000.000đồng chị T vẫn đang quản lý, chưa giao nộp lại để xử lý nên truy thu của chị T nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự bị cáo đã hưởng lợi từ việc cho chị T vay tiền lãi nặng các lần với số tiền tổng cộng là 23.496.438đồng *(làm tròn 23.496.000đồng)*. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Đặng Văn H1 là người đã giới thiệu cho chị T vay tiền của G và đứng ra bảo lãnh các khoản tiền vay, tài liệu điều tra xác định anh Đặng Văn H1 không biết về mức lãi xuất mà hai bên đã thỏa thuận, không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu hay bảo lãnh tiền vay. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân không đặt ra xem xét để xử lý đối với anh Đặng Văn H1 với vai trò đồng phạm là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chị Trần Thị Th là người vay tiền của G, tài liệu điều tra xác định chị T không có thủ đoạn gian dối, không sử dụng khoản tiền vay vào việc bất hợp pháp và không có ý thức chiếm đoạt số tiền đã vay nên không có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Đối với chị Trần Thu H2, chị Trần Thị H3 và anh Đỗ Sinh Q - là những người giúp chị T chuyển khoản trả tiền lãi, tài liệu điều tra xác định những người này không biết và không có liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố Bị cáo Lê Văn G phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn G 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 *(Hai mươi bốn)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn G cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 35; khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Phạt tiền bị cáo Lê Văn G 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu của Lê Văn G 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro Max màu tím, số IMEI 356266761845657 thu giữ của của Lê Văn G được niêm phong trong phong bì dán kín, kỹ hiệu "Đ1" sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của Lê Văn G số tiền 123.496.000 *(Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn)* đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Trần Thị T số tiền 350.000.000 *(Ba trăm năm mươi triệu)* đồng nộp ngân sách nhà nước.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân ngày 13/3/2024).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao (Vụ GĐKT I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự - Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hân